

Biển Đông – Ba giai đoạn, bốn thách thức, hai cách tiếp cận khu vực và một niềm tin

PGS.TS. Nguyễn Hồng Thao¹

Đại học quốc gia Hà Nội, Việt Nam



¹ PGS.TS Nguyễn Hồng Thao, Đại học quốc gia Hà Nội, Việt Nam. Tham luận trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ hai về Biển Đông “Biển Đông: Tăng cường hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực”, 10-12/11/2010 tại thành phố Hồ Chí Minh.

*

Các tranh chấp gần đây tại Biển Đông và Biển Hoa Đông đang làm cho tình hình châu Á nóng lên, làm các nước trong khu vực cảnh giác và e ngại, tác động đến sự ổn định và phát triển kinh tế.

1. Ba giai đoạn hình thành và quản lý tranh chấp trên Biển Đông

Lịch sử tranh chấp tại Biển Đông có thể chia làm ba giai đoạn gắn liền với những hướng giải quyết đã được đưa ra.

Giai đoạn một – tranh chấp chủ quyền trên các đảo đá trong lịch sử cho đến năm 1958.

Giai đoạn hai – tranh chấp lãnh thổ mở rộng và liên kết chặt chẽ với tranh chấp vùng biển do sự định hình và phát triển của luật biển quốc tế từ 1958 đến 2009.

Giai đoạn ba – quản lý và giải quyết tranh chấp biển đảo bằng biện pháp hòa bình và cách tiếp cận khu vực – từ 2009 trở đi.

Giai đoạn một - tranh chấp chủ quyền trên các đảo ở Biển Đông, tập trung chủ yếu giữa Việt Nam và Trung Quốc nhưng không phải không có những chủ thể tranh chấp khác. Sự kiện Đô đốc Lý Chuẩn thám sát Hoàng Sa năm 1909 được coi là mở đầu tranh chấp trên Biển Đông, vào thời điểm Việt Nam mất độc lập và Pháp chưa thật sự sẵn sàng cho việc bảo vệ danh nghĩa chủ quyền kế thừa từ các hoạt động thực sự, liên tục và hòa bình của đội Hoàng Sa do Nhà Nguyễn (Chúa Nguyễn, Vua Nguyễn) thành lập từ thế kỷ thứ XVII. Tranh chấp tiếp tục leo thang với các Công hàm của Phái đoàn Ngoại giao Trung Quốc tại Paris năm 1932: “Tây Sa tạo thành cực Nam của lãnh thổ Trung Quốc”,² và những năm tiếp theo: “Nam

² Nguyen Hong Thao, *Le Vietnam et ses différends maritimes dans la mer de Bien Dong (Mer de Chine Meridionale)*, Institut du droit Economique de la mer, Pedone, 2004, p. 232.

Sa là điểm tận cùng phía Nam của lãnh thổ Trung Quốc”. Trung Quốc tuyên bố danh nghĩa chủ quyền trên các đảo dựa trên quyền phát hiện, hoạt động đánh bắt và đặt tên của ngư dân Trung Quốc ngược lại lịch sử đến thời Hán Vũ Đế thế kỷ II trước Công nguyên. Nhật, Anh, Pháp đều đã từng tuyên bố có chủ quyền trên Trường Sa và đều lần lượt tuyên bố từ bỏ theo những cách khác nhau. Năm 1939 Anh từ bỏ yêu sách chủ quyền Trường Sa khi nhận thấy việc ủng hộ tuyên bố của các tư nhân Anh là không phù hợp với luật quốc tế và cho rằng việc bảo vệ Trường Sa trước hết thuộc quyền hạn của Chính phủ Pháp.³ Với Hiệp ước Vịnh Hạ Long năm 1949, Pháp chuyển giao chủ quyền trên Nam Kỳ trong đó có Trường Sa mà Pháp đã tuyên bố chiếm hữu từ năm 1933 cho Quốc gia Việt Nam.⁴ Ba Hội nghị Cairo 1943, Postdam năm 1945 và San Francisco 1951 đã góp phần trục xuất Nhật Bản khỏi các lãnh thổ mà nước này chiếm được bằng vũ lực và lòng tham, trong đó có Trường Sa và Hoàng Sa.

Trong cả giai đoạn này đã không có một cuộc đàm phán hòa bình nào giữa các bên tranh chấp cho dù đã có những đề xuất hiếm hoi đưa tranh chấp ra trước Trọng tài quốc tế. Không có bất cứ tuyên bố yêu sách nào về các vùng biển dù ở Cairo, Postdam hay San Francisco. Đường chữ U liền đoạn, rồi 11 đoạn và sau cùng 9 đoạn của Trung Hoa Dân Quốc, hay tuyên bố của Trần Văn Hữu, Chu Ân Lai năm 1951 đều không có câu chữ nào về yêu sách các vùng biển hay vùng nước lịch sử. Điều này cũng dễ hiểu vì lúc đó các quốc gia xung quanh Biển Đông quan tâm nhiều hơn đến giành độc lập, bảo vệ chủ quyền trên lãnh thổ và các đảo hơn là các quyền lợi đại dương. Các khái niệm vùng biển du nhập từ phương Tây chỉ

³ Marston G., « Abandonment of territorial claims: the cases of Bouvet and Spratly Islands », *British Yearbook of International Law* BYIL 1986, LVII, p. 335; Charles Rousseau, “Chine, France, Japon – Le differend concernant l’appartenance des îles Spratly et paracels”, *Revue Generale du Droit International Public*, Paris, N^o3, July – Septembre 1972, p. 828.

⁴ Nguyen Hong Thao, *Le Vietnam et ses differends maritimes dans la mer de Bien Dong (Mer de Chine Meridionale)*, Institut du droit Economique de la mer, Pedone, 2004, p. 242.

dừng lại từ 3 hải lý lãnh hải cho đến 20 km vùng đánh cá. Hội nghị hòa bình San Francisco năm 1951 là cố gắng quốc tế duy nhất về giải quyết chủ quyền: Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và yêu sách đối với các đảo Paracels và Spratlys.⁵ Tuy nhiên quy định chưa có địa chỉ này đã được các bên giải thích khác nhau và làm nảy sinh tình thế tranh chấp: Trung Hoa Dân Quốc chiếm phần phía Đông của quần đảo Hoàng Sa và đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa, Pháp và Quốc gia Việt Nam chiếm phần phía Tây quần đảo Hoàng Sa và một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa, Philippin nhảy vào tranh chấp Trường Sa với lập luận theo Hiệp ước Hòa bình San Francisco 1951, quần đảo Trường Sa, trừ 7 đảo Pháp nêu tên trong Công báo năm 1933, là đất vô chủ và là đối tượng phát hiện của Thomas Cloma. Như vậy giai đoạn này được đặc trưng bằng tranh chấp chủ quyền trên các đảo, đá hầu như chưa có người sinh sống thường xuyên và không có đời sống kinh tế riêng trừ phân chim. Các đảo đá chỉ có ý nghĩa nhất định về địa chiến lược.

Giai đoạn hai – Tranh chấp chủ quyền đảo gắn liền với sự phát triển của Luật biển quốc tế và khả năng phát hiện được những mỏ dầu có thể khai thác được nằm dưới đáy biển của hai quần đảo. Từ các Công ước Giơ ne vơ năm 1958 đến Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (Công ước 1982) có hiệu lực từ năm 1994, luật biển quốc tế cho phép các quốc gia ven biển có quyền mở rộng lãnh hải 12 hải lý, vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa. Thời hạn cuối cùng cho các đòi hỏi thềm lục địa mở rộng là 13/5/2009. Các nước lần lượt ra tuyên bố về vùng biển trên cơ sở Công ước 1982. Việt Nam tuyên bố các vùng biển lãnh hải 12 hải lý, đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thềm lục địa ngày 12/5/1977 và đường cơ sở ngày 12/11/1982. Trung Quốc – Luật lãnh hải và vùng tiếp giáp ngày 25/02/1992, Luật về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa ngày

⁵ *Conference for the Conclusion and Signature of the Peace Treaty with Japan, Record of Proceedings*, Washington DC, Department of State, 1951, p. 119.

26/06/1998, quy định về hệ thống đường cơ sở ngày 15/06/1996. Philippin đưa ra giới hạn vùng Kalayaan nằm ngoài ranh giới Hiệp ước Hoa Kỳ - Tây Ban Nha năm 1898 qua Sắc lệnh N⁰1596 ngày 11/06/1978 nhằm cụ thể yêu sách chủ quyền các đảo trong giới hạn đó. Ngày 11/06/1979, Philippin ra Sắc lệnh N⁰ 1599 về vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý. Ngày 10/03/2009 Philippin chính thức thông qua Luật cộng hòa RA 9522 xác định đường cơ sở và quản lý quần đảo Trường Sa và bãi cạn Hoàng Nham (Scarborough) theo “quy chế đảo”. Malaysia và Brunei đưa ra cách tiếp cận mới lấy luật biển làm cơ sở yêu sách chủ quyền các đảo. Năm 1966 Malaysia thông qua Luật về thêm lục địa. Tháng 12/1979 ra bản đồ thể hiện ranh giới lãnh hải và cho rằng các đảo nằm trong vùng thêm lục địa đã tuyên bố thuộc chủ quyền của Malaysia. Năm 1993 Brunei tuyên bố ranh giới thêm lục địa 200 hải lý và cho rằng Luxia nằm trên thêm lục địa đó sẽ thuộc Brunei. Đài Loan tuyên bố vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý ngày 8/10/1979, công bố Luật vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa Trung Hoa Dân Quốc ngày 30/12/1992, Luật lãnh hải và vùng tiếp giáp Trung Hoa Dân Quốc ngày 02/01/1993 và Tuyên bố đường cơ sở ngày 10/2/1999.⁶ Các nước tranh chấp đều đã thể hiện quan điểm của mình về việc mở rộng thêm lục địa ngoài 200 hải lý qua ba cách tiếp cận khác nhau. Malaysia và Việt Nam trình Ủy ban ranh giới thêm lục địa (CLCS) của Liên hợp quốc hồ sơ chung về ranh giới ngoài thêm lục địa ngày 6/05/2009.⁷ Việt Nam trình hồ sơ ranh giới ngoài thêm lục địa khu vực Bắc (VNM) ngày 7/05/2009.⁸

⁶ KUAN-HSIUNG WANG, “The ROC’s Maritime Claims and Practices with Special Reference to the South China Sea”, *Ocean Development & International Law*, 41:237–252, 2010, p. 243.

⁷ Commission on the Limits of the Continental Shelf (CLCS) Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Submissions to the Commission: Joint submission by Malaysia and the Socialist Republic of Viet Nam to the CLCS pursuant to Article 76, paragraph 8 of the UNCLOS in the southern part of the South China Sea, Executive Summary ; http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/submission_mysvnm_33_2009.htm, date of access 13 May 2009. (Hereafter *Malaysia-Vietnam Joint Submission*)

⁸ Commission on the Limits of the Continental Shelf (CLCS) Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Submissions to the Commission, Submission of Socialist Republic of Vietnam to the CLCS pursuant to Article 76,

Theo hai quốc gia, việc trình hồ sơ ranh giới ngoài thềm lục địa là việc thực hiện hợp pháp các nghĩa vụ của quốc gia thành viên Công ước luật biển 1982, hoàn toàn phù hợp với các quy định của Công ước luật biển 1982 cũng như các Quy tắc thủ tục của CLCS; các ranh giới này đều hoàn toàn nằm ngoài 200 hải lý tính từ đường cơ sở đất liền của hai nước và nằm ngoài các ranh giới thềm lục địa đã được thỏa thuận với các nước liên quan; các hồ sơ trình này không ảnh hưởng đến việc phân định biển giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hay tiếp giáp. Trung Quốc và Philippin phản đối vì cho rằng các ranh giới ngoài thềm lục địa này có thể ảnh hưởng đến vấn đề chủ quyền của các đảo và yêu cầu CLCS không xem xét.⁹ Đặc biệt, trong phản đối ngày 7/5/2009 của mình, lần đầu tiên Trung Quốc chính thức hóa đường yêu sách chữ U khi đòi hỏi tất cả vùng nước và các địa vật nằm trong đường này thuộc chủ quyền và quyền tài phán của Trung Quốc, hồ sơ của Malaysia và Việt Nam đã vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Trung Quốc ở Biển Đông.¹⁰ Brunei và Trung Quốc đều trình CLCS hồ sơ Thông tin ban đầu. Thông tin ban đầu của Trung Quốc ngày 11/05/2009 không đề cập đến Biển Đông.¹¹ Thông tin ban đầu của Brunei ngày 12/05/2009 thông báo hồ sơ trình ranh

paragraph 8 of the UNCLOS in the North Area of the South China Sea Executive Summary, VNM, Executive Summary, http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/submission_vnm_37_2009.htm. date of access 13 May 2009.

⁹ Permanent Mission of the Republic of Philippines to the United Nations, Note N. 000819, New York on August 4, 2009. With reference to the Joint Submission by Malaysia and the Socialist Republic of Vietnam dated of 6 May 2009 to the Commission on Limits of the Continental Shelf concerning the outer limit of continental shelf beyond 200 nautical miles http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/clcs_37_2009_los_phl.htm date of access 13 May 2009.

¹⁰ Permanent Mission of the People's Republic of China to the United Nation, New York, Note CML17/2009, May 7, 2009 With reference to the Joint Submission by Malaysia and the Socialist Republic of Vietnam and dated of 6 May 2009 to the Commission on Limits of the Continental Shelf concerning the outer limit of continental shelf beyond 200 nautical miles http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf date of access 13 May 2009.

¹¹ Commission on the Limits of the Continental Shelf (CLCS) Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Preliminary Information to the Commission, Preliminary Information Indicative of the Outer Limit of the Continental Shelf beyond 200 nautical Miles of the People's Republic of China, on 11 May 2009. http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/preliminary/chn2009preliminaryinformation_english.pdf, Date of access 02 May 2010.

giới ngoài thêm lục địa của Brunei sẽ thể hiện thêm lục địa mở rộng kéo dài tự nhiên từ đất liền qua Vùng nguy hiểm (Dangerous Grounds - Spratly Islands) tới rìa đáy đại dương của Biển Đông nằm ngoài 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Brunei.¹² Giai đoạn này thể hiện rõ vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực vẫn là một biện pháp được tính đến để giải quyết tranh chấp mặc dù Hiến chương Liên hợp quốc đã nghiêm cấm. Sau mỗi lần vũ lực được sử dụng 1974, 1988, 1995 là làn sóng tích cực chiếm đóng các đá, bãi không người từ các quốc gia tranh chấp. Đã có những nỗ lực phân định biển như thỏa thuận thêm lục địa Indonesia – Malaysia năm 1969, phân định biển Malaysia – Thái Lan 1974, phân định biển Việt Nam – Thái Lan 1997, Việt Nam – Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ năm 2000, thêm lục địa Việt Nam-Indonesia năm 2003, phân định biển Brunei-Malaysia năm 2009 hay khai thác chung Việt Nam – Malaysia 1992, Thái Lan-Malaysia 1979. Đã có nhiều giải pháp được các học giả và các Hội thảo quốc tế đề nghị như công thức Nam cực, công thức Biển Bắc, bánh donut, cộng quản, cho đến sử dụng Tòa án và Trọng tài quốc tế nhưng đều không khả thi.¹³ Đã có những đàm phán song phương Việt Nam-Trung Quốc về vấn đề trên biển, Philippin-Trung Quốc về Quy tắc ứng xử và khảo sát địa chấn, đàm phán Việt Nam – Philippin về tổ chức khảo sát nghiên cứu khoa học chung (JOMSRE-SCS). Đã có những đàm phán đa phương như Tuyên bố Trung Quốc và ASEAN về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông DOC năm 2002, hay Thỏa thuận công ty dầu khí Phi-Trung-Việt khảo sát địa chấn tại khu vực xác định ở Biển Đông năm 2005. Tuy nhiên những nỗ lực này chưa đủ để gây dựng một lòng tin giữa các bên.

¹²Commission on the Limits of the Continental Shelf (CLCS) Outer limits of the continental shelf beyond 200 nautical miles from the baselines: Submissions to the Commission, Brunei Darussalam's Preliminary Submission concerning the Outer Limits of its Continental Shelf. http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/.../brn2009preliminaryinformation.pdf, date of access 2 May 2010.

¹³ Nguyen Hong Thao and Ramses Amer, "A New Legal Arrangement for the South China Sea?", *Ocean Development & International Law (American)*, 2009, Vol. N.40: 4, 333 — 349.

Giai đoạn ba – quản lý và giải quyết tranh chấp biển đảo bằng biện pháp hòa bình và cách tiếp cận khu vực

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, sự thích ứng của châu Á đã khẳng định xu thế trung tâm kinh tế đang dịch chuyển về khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Trung Quốc đã được lợi từ khủng hoảng kinh tế khi vươn lên thành nước có nền kinh tế thứ hai trên thế giới vượt qua Nhật, Đức từ tháng 8/2010. Muốn trở thành siêu cường, Trung Quốc cần có không gian biển đủ rộng để triển khai chiến lược của mình. Biển Đông là hướng phát triển phù hợp nhất. Tháng 3/2010 trong chuyến thăm của TTNG Mỹ Steinberg một quan chức phía Trung Quốc lần đầu tiên tuyên bố coi vấn đề Biển Đông là lợi ích cốt lõi của Trung Quốc, không có nhân nhượng.¹⁴ Khủng hoảng kinh tế thế giới cũng cho thấy sự đi xuống của kinh tế Mỹ buộc siêu cường này phải điều chỉnh chiến lược, trong đó có mục tiêu củng cố vị trí lãnh đạo ở châu Á sau khi rút quân khỏi Iraq năm 2010 và Afganistan 2011. Va chạm giữa tàu *Impeccable* của Mỹ với tàu hải quân Trung Quốc tháng 3/2009 đánh dấu sự trở lại Biển Đông. Tại ARF 17 tháng 7/2010, Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton tuyên bố Mỹ có lợi ích quốc gia ở Biển Đông.¹⁵ Tổng thống Obama trong bữa ăn trưa làm việc tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Mỹ ngày 25/9/2010 đã khẳng định Mỹ có quyền lợi trong Biển Đông và mong muốn đóng một vai trò mạnh trong khu vực này giống như Trung Quốc.¹⁶ Tuyên bố chung Mỹ - ASEAN ngày 24/9/2010 tái khẳng định tầm quan trọng của ổn định và hòa bình khu vực, an

¹⁴ Tuy nhiên sau đó Trung Quốc phủ nhận không có tuyên bố chính thức nào đưa Biển Đông vào danh sách “lợi ích cốt lõi”. Về khái niệm này tại đối thoại chiến lược và kinh tế Trung-Mỹ lần thứ nhất ngày 28/7/2009 PTT Đới Bình Quốc đã nêu “lợi ích cốt lõi của TQ” gồm ba mặt: i) bảo vệ chế độ và an ninh quốc gia; bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ phát triển ổn định bền vững về kinh tế và xã hội.

¹⁵ Hillary Rodham Clinton, Secretary of State at the National Convention Center ARF 17, Hanoi, Vietnam, July 23, 2010 <http://www.state.gov/secretary/rm/2010/07/145095.htm>

¹⁶ “Obama Edges Closer to Allies in Key Region”, The Wall Street Journal online: “the U.S. has an “enormous stake” in the South China Sea and intends to play a strong role in the region, a position likely to irk China”. <http://online.wsj.com/article/SB1000142405274870349960457551223322279298.html>, date of access 24 October 2010.

ninh hàng hải, không cản trở thương mại và tự do hàng hải theo những quy định liên quan được sự đồng thuận của luật pháp quốc tế, gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) và những điều luật hàng hải quốc tế khác, đồng thời giải quyết hòa bình các tranh chấp.¹⁷ Cạnh tranh an ninh, quốc phòng và kinh tế làm trầm trọng thêm sự ganh đua đảm bảo nguồn tài nguyên năng lượng và kiểm soát an ninh hàng hải. Khủng hoảng kinh tế và sản xuất dầu khí thế giới dự báo đạt đỉnh năm 2015 ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh năng lượng các nước ở Biển Đông. Trừ Brunei, các nước đều phải nhập khẩu dầu khí.¹⁸ Từ góc độ địa chiến lược và kinh tế, Biển Đông là biển duy nhất trên thế giới nối liền hai đại dương lớn Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, với nhiều tuyến đường hàng hải quan trọng, cung cấp từ 70-80% lượng dầu lửa nhập khẩu từ Trung Đông cho các nước có nền công nghiệp hiện đại Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Các tuyến đường này cũng đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm xuất nhập khẩu của khối các nước ASEAN. Với 550 triệu dân và nền kinh tế trên 1 ức tỷ USD (1 trillion USD), Đông Nam Á đóng vai trò quan trọng trong trao đổi thương mại quốc tế, với 50% thương mại thế giới đi qua đây. Năm 2008, thương mại giữa ASEAN với Mỹ là 181 tỷ, với Nhật là 212 tỷ, với Trung Quốc là 198 tỷ. Các nước này cũng có đầu tư lớn vào ASEAN, trong đó Mỹ có trên 100 tỷ USD.¹⁹ 2020 đánh dấu sự chuyển dịch công xưởng của thế giới từ Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á do nguồn lao động trẻ hơn và Đông Nam Á sẽ trở thành công xưởng công nghiệp phụ trợ cho kinh tế TQ²⁰ Tự

¹⁷ The White House, Office of the Press Secretary, Joint Statement of the 2ND U.S.- ASEAN Leaders Meeting 24 September 2010, <http://www.whitehouse.gov/the-press-office/2010/09/24/joint-statement-2nd-us-asean-leaders-meeting>

¹⁸ Phát biểu của Nick Owen (ĐH Oxford) ngày 6-7/8/2010 tại Hội thảo “Tài nguyên năng lượng tại các vùng biển châu Á – Cơ hội cho hợp tác cùng phát triển” do Học viện Ngoại giao Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu châu Á (NBR – Mỹ) tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh.

¹⁹ <http://www.usasean.org/ASEAN/about.asp>

²⁰ Tiết Dũng, “Biển Đông của 15 năm sau”, *Liên hợp buổi sáng* số ra ngày 26/8/2010, Singapore, <http://nghiencuubiendong.vn/tin-ncbd/1027-bien-dong-cua-15-nam-sau>, date of access 24 October 2010

do thương mại trong đó có tự do hàng hải và bảo vệ các nước đồng minh vẫn được Mỹ coi là lợi ích và trách nhiệm của mình. Việc Mỹ quay lại Biển Đông và biển Hoa Đông trước hết là vì quyền lợi chiến lược của Mỹ, củng cố vị thế của mình trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Biển Đông đã trở thành nơi đụng độ chính giữa chiến lược của Mỹ và Trung Quốc vừa hợp tác vừa đấu tranh.²¹ Biển Đông là một trong những điểm nóng có khả năng xảy ra xung đột trên thế giới. Hiến chương ASEAN có hiệu lực từ 2009 đánh dấu sự trỗi dậy của một ASEAN liên kết hơn, cạnh tranh hơn. Các nước ASEAN ở mức độ nhất định hoan nghênh sự trở lại của Mỹ để kiềm chế những yêu sách quá đáng gây bất ổn nhưng cũng cảnh giác để không làm vật hy sinh cho lợi ích của các cường quốc như đã từng diễn ra trong quá khứ. Giai đoạn này xuất hiện nhiều sáng kiến, cơ chế an ninh mới trong đó ASEAN luôn giữ vai trò chủ đạo, trung tâm như ADMM+, EAS. Thành công của Hội nghị cấp cao ASEAN 17, ARF 17, ADMM+ 1 trong năm 2010 đã buộc thế giới phải có một cái nhìn khác về ASEAN. Biển Đông đang dần trở thành vũ đài hợp tác, đấu tranh, chia sẻ ảnh hưởng tay ba giữa Mỹ, Trung Quốc và ASEAN. Ngày càng nhiều nước trên thế giới quan tâm hợp tác và mong muốn hiện diện trong khu vực này, tạo ra các lợi ích đan xen và cạnh tranh ở Biển Đông. Đây chính là hệ quả trào lưu thế giới ngày càng trở nên phẳng và phải đối đầu với nhiều thách thức toàn cầu: khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu, cấm sử dụng và phổ biến vũ khí hạt nhân, chạy đua vũ trang, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, quyền con người và chống khủng bố, chống cướp biển. Tất cả các quốc gia càng ngày càng phụ thuộc vào nhau. Hội nhập hóa và sự phát triển hòa bình của mỗi quốc gia phụ thuộc vào an ninh khu vực và thế giới và ngược lại.

Từ góc độ của luật biển, Biển Đông là khu vực đặc thù, chứa đựng tất cả các yếu tố liên quan như quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo (Indonesia và

²¹ Carlyle A Thayer, Southeast Asia, Patterns of security cooperation, ASPI Australia 2010, p. 12.

Philippin), quốc gia không có biển hay bất lợi về mặt địa lý (Lào), các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, vùng đánh cá, phân định biển, vấn đề biển nửa kín, eo biển quốc tế, hợp tác quản lý tài nguyên sinh vật, các đàn cá di cư xa và đàn cá xuyên biên giới, khai thác chung, bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, chống cướp biển, an toàn hàng hải, tìm kiếm, cứu nạn... Muốn giải quyết các vấn đề này một cách triệt để, các quốc gia phải hợp tác như điều 123 của Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982 quy định.

Biển Đông đã được biết đến như một trung tâm tranh chấp của thế giới về mức độ phức tạp, số lượng các bên tranh chấp và sự quan tâm lợi ích của các cường quốc. Hoàng Sa trên thực tế là tranh chấp ba bên giữa Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan. Trường Sa là nơi tranh chấp của Brunei, Malaysia, Philippin, Trung Quốc, Việt Nam và Đài Loan. Tranh chấp trên Biển Đông bao gồm tranh chấp chủ quyền đảo và tranh chấp vùng biển. Bốn trở ngại lớn nhất cho mọi giải pháp là vấn đề chủ quyền, đường đứt khúc 9 đoạn (đường chữ U, đường lưỡi bò), quy chế đảo và chủ nghĩa dân tộc. Giải quyết các trở ngại trên phải căn cứ vào luật biển và thiện chí của các quốc gia. Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982 mới chỉ là một văn kiện chung nên còn nhiều vấn đề như quy chế đảo, hệ thống các giải pháp hòa bình cho các tranh chấp được nêu trong phần 15 cần được hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình khu vực. Nếu luật biển còn chưa rõ ràng thì các nước phải tiếp tục thỏa thuận. Có những vấn đề tưởng là song phương nhưng không thể chỉ giải quyết song phương. Có những vấn đề tưởng là đơn phương nhưng sẽ gây ra sự chú ý và phản ứng của dư luận cả trong và ngoài khu vực. Hơn nữa, Biển Đông đã hẹp lại có hai quần đảo ở giữa nên tạo ra những vùng chông lán đa phương. Các nước tranh chấp từ chỗ không tiếp xúc với nhau đã dần tự nguyện tham gia vào các cơ chế đa phương. Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông DOC là thỏa thuận giữa Trung Quốc và ASEAN. Sự tham gia của Trung

Quốc, Đài Loan vào Hội thảo kiểm chế các xung đột tiềm tàng ở Biển Đông do Indonesia và Canada khởi xướng từ 1990, hay Thỏa thuận công ty dầu khí Phi-Trung-Việt khảo sát địa chấn tại khu vực xác định ở Biển Đông năm 2005 đều là các bằng chứng về một sự liên kết đa phương tự nhiên giữa các bên tranh chấp nhằm tìm một giải pháp cơ bản lâu dài cho vấn đề Biển Đông. Các bên đều nhận thức được rằng vấn đề Biển Đông có song phương có đa phương, không thể chỉ đơn thuần trong quan hệ song phương.

Từ tất cả các góc độ địa lý tự nhiên, địa chiến lược, kinh tế, luật pháp và văn hóa, bản thân vấn đề Biển Đông đã mang tính quốc tế. Từ 1990-2010 với nỗ lực của các nước liên quan, sự lớn mạnh của ASEAN, cán cân lực lượng đã được giữ ở mức cân bằng mong manh. Quản lý tranh chấp trước hết là trách nhiệm của các nước có đòi hỏi chủ quyền các đảo song các nước khác cũng có quyền lợi và nghĩa vụ chính đáng tham gia vào quá trình. Nhu cầu quản lý tranh chấp ngày càng trở nên bức thiết khi các bên đều nhận thấy sự hạn chế của DOC và đề xuất đàm phán về một cơ chế quản lý tranh chấp mang tính ràng buộc và trách nhiệm hơn, phù hợp với khu vực như Bộ Quy tắc ứng xử của các bên (COC). Đây là nhiệm vụ rất phức tạp để dung hòa quan điểm các bên, từ tranh chấp chỉ giải quyết trên cơ sở đàm phán song phương tới một cách tiếp cận khu vực. Nếu thời gian của mỗi giai đoạn tranh chấp là khoảng 50 năm thì giai đoạn ba cũng cảnh báo các nước còn phải tốn nhiều nỗ lực, thời gian để đi đến một giải pháp cơ bản lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

2. **Bốn trở ngại chính**

a. *Chủ quyền*

Đây là điều kiện tiên quyết để giải quyết tranh chấp biển đảo. Các bên yêu sách thường tuyên bố sẵn sàng giải quyết các tranh chấp về đảo trên cơ sở luật

quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982. Công ước quy định các cơ chế giải quyết các tranh chấp biển, nhưng không có điều khoản nào đề cập đến giải quyết các tranh chấp chủ quyền đối với các đảo ngoài khơi.²² Theo nguyên tắc của Luật biển “Đất thống trị biển” thì việc xác lập chủ quyền là điều kiện để đòi hỏi các vùng biển hợp pháp phù hợp Công ước của Liên hợp quốc về luật biển 1982. Các vùng biển cũng chỉ được phân định một khi các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ đối với các đảo và đá ngầm được giải quyết. Trong tiến trình tranh chấp, các nước đã đưa ra hai dạng yêu sách chủ quyền: 1) từ các phương thức thụ đắc lãnh thổ đã đề cập trong lịch sử luật quốc tế: chiếm hữu thực sự, quyền phát hiện, kế cận về mặt địa lý tới 2) phương thức vận dụng luật biển mới để đòi hỏi chủ quyền. Đây là tiêu chí để các bên thống nhất. Từ góc độ bình đẳng chủ quyền không quốc gia nào có thể ép buộc quốc gia khác từ bỏ yêu sách và lập luận. Cần có một bên thứ ba đánh giá khách quan lập trường các bên song Đông Nam Á vẫn chưa phải là khu vực có truyền thống viện dẫn đến sự can dự của các cơ quan tài phán quốc tế mặc dù gần đây đã có hai phán quyết của Tòa án Công lý Quốc tế liên quan tới các tranh chấp về đảo giữa các quốc gia Đông Nam Á. Phán quyết thứ nhất là về đảo Sipadan và đá Ligitan Reef giữa Indonesia và Malaysia (Phán quyết ngày 17/12/2002).²³ Phán quyết thứ hai liên qua tới tranh chấp đối với Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge giữa Malaysia và Singapore (Phán quyết ngày 23/5/2008).²⁴ Các phán quyết đều nhấn mạnh đến

²² Điều 298 (a) UNCLOS

²³ “Case concerning sovereignty over Pulau Ligitan and Pulau Sipadan (Indonesia /Malaysia), Judgment of 17 December 2002,” From the website of the *International Court of Justice* (<http://www.icj-cij.org/docket/files/102/7714.pdf>) (accessed on 22 October 2008) (hereafter *Case concerning Pulau Litigan*).

²³ “Case concerning sovereignty over Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks and South Ledge (Malaysia/Singapore) (Judgment of 23 May 2008)”, From the website of the *International Court of Justice* (<http://www.icj-cij.org/docket/files/130/14492.pdf>) (accessed on 22 October 2008). (hereafter *Case concerning Pedra Blanca*).

Website International Court of Justice

²⁴ Website International Court of Justice, <http://www.icj-cij.org>

chiếm hữu thực tế. Điều này càng làm các nước tranh chấp đẩy mạnh các hoạt động mở rộng chiếm đóng và hiện diện của mình trên Biển Đông. Từ tăng cường tàu ngư chính, du lịch, dân sự hóa, xây dựng đường băng, sân chim đến các công viên biển. Do sự khác biệt về tương quan lực lượng, phạm vi yêu sách, e ngại dư luận trong nước, khả năng rủi ro chính trị nên các Chính phủ khó có thể đồng thuận để đưa tranh chấp Trường Sa ra trước Tòa án quốc tế. Chỉ một nước không đồng thuận, Tòa án sẽ không có thẩm quyền. Hiện tại, mới chỉ có Philippines công nhận quyền tài phán bắt buộc của Tòa nhưng lại bảo lưu không áp dụng cho các tranh chấp liên quan đến KIG, tức quần đảo Trường Sa. Khả năng đưa tranh chấp Hoàng Sa ra trước Tòa án quốc tế có thể đơn giản hơn nếu xét ở mức độ chỉ liên quan đến Việt Nam và Trung Quốc nhưng sẽ khó hơn nhiều vì Trung Quốc đang quản lý toàn bộ quần đảo này và không muốn bàn đến ngay cả trong cơ chế đàm phán trên biển giữa hai nước có từ năm 1996. Tình hình cũng tương tự đối với các cơ chế tài phán quốc tế khác như Tòa án Trọng tài Luật biển quốc tế.

Điều 74 và 83 của UNCLOS 1982 có trừu định các dàn xếp tạm thời cho các vùng biển chồng lấn phát sinh từ giải thích luật biển chứ không phải từ tranh chấp chủ quyền. Công thức “gác tranh chấp cùng khai thác”²⁵ mà Trung Quốc thuyết phục các nước tranh chấp ủng hộ lại có điều kiện tiên quyết là “chủ quyền thuộc Trung Quốc”.²⁶ Các học giả Trung Quốc còn đề nghị công thức khai thác chung phân chia 40/60 cho các vùng nước nằm ngoài đường chữ U.²⁷ Nhật Bản và Trung

²⁵ Veronica Uy, “Spratlys Deal part of China’s policy of ‘shelving disputes’”

²⁶ Nguyen Hong Thao, “China’s nine broken line in the Bien Dong Sea (South China Sea) in the light of international law”, Vietnam News (18/5/1997) trang 4

²⁷ Ji Guoxing, “Outer Continental Shelf Claims in the South China Sea: A New Challenge to the China’s U shaped line”, International Workshop on “Non-Traditional Security Cooperation in the South China Sea, Haikou, 20-22 May 2010.

Quốc đã đạt thỏa thuận bước đầu về khai thác chung ở Hoa Đông tháng 6/2008²⁸ nhưng tình hình căng thẳng sau vụ Nhật Bản bắt thuyền trong tàu cá Trung Quốc ở vùng biển Điều Ngư 7/9/2010 đã làm thỏa thuận này hầu như không được áp dụng. Công thức này có vẻ thích hợp với Trung Quốc trong giai đoạn “giấu mình chờ thời - biding its time and hiding its capabilities”) . Hiện nay nhiều học giả Trung Quốc kêu gọi chuyển sang giai đoạn tăng cường hoạt động hiện diện trên thực địa. Vấn đề chủ quyền sẽ không có lời giải nhiều thời gian nữa. Với xu thế biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao, khả năng một số đảo, đá, bãi cạn nửa nổi nửa chìm có thể ngập dưới mặt nước. Điều này có làm các nước thay đổi lập trường hay lại thúc đẩy họ tăng cường các hoạt động xây dựng củng cố. Một câu hỏi khó.

b. Đường 9 đoạn hình chữ U (đường lưỡi bò).

Tuy có những đánh giá khác nhau về nội dung và tính chất của đường chữ U, các học giả Trung Quốc và Đài Loan đều cho rằng đường này đã được quốc tế công nhận rộng rãi. Các học giả Đài Loan giải thích đường này thể hiện yêu sách đối với các đảo, đá, bãi cạn nửa nổi nửa chìm trong phạm vi đường²⁹ từ năm 1946. Các học giả Trung Quốc cho rằng đây là đường biên giới truyền thống trong biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) và Trung Quốc yêu sách không chỉ các địa vật mà cả vùng nước bên trong và kế cận. Theo họ, trước những năm 1960s và 1970s, Việt Nam, Philippin, Malaysia, Brunei và các nước Đông Nam Á khác đều không đưa ra phản đối đường chữ U này. Điều đó chứng tỏ họ đã công nhận và mặc nhiên

²⁸ “China, Japan reach principled consensus on East China Sea issue”, (18 June 2008). From the website of *China View* (www.chinaview.cn) (http://news.xinhuanet.com/english/2008-06/18/content_8394206.htm) (accessed on 22 October 2008) (hereafter *China and Japan*).

“Joint Press Conference by Minister for Foreign Affairs Masahiko Koumura and Minister of Economy, Trade and Industry Akira Amari (Regarding Cooperation between Japan and China in the East China Sea)” (Wednesday, June 18, 2008). From the website of the *Ministry of Foreign Affairs of Japan* (http://www.mofa.go.jp/announce/fm_press/2008/6/0618.html) (3 November 2008).

²⁹ Alfred Hu, “South China Sea, “Troubled waters or sea of opportunity?”, *Ocean Development and International Law*, 41:203-213,2010.

chuẩn y đường chữ U cũng như tính chất lịch sử của nó. Điều đó cũng chứng tỏ họ đã công nhận cả bốn quần đảo (Đông Sa, Tây Sa, Trung Sa và Nam Sa) thuộc chủ quyền Trung Quốc. Ji Guoxing cho rằng các nước đã có sự hiểu nhầm khi áp dụng Công ước Luật biển của Liên hợp quốc năm 1982. Không có điều khoản nào trong Công ước cho phép các quốc gia ven biển mở rộng vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của mình lại đòi hỏi chủ quyền các đảo nằm trong các vùng biển đó nhưng thuộc quốc gia khác. Hơn nữa Công ước Luật biển lại công nhận và bảo vệ danh nghĩa lịch sử. Vì vậy không thể dùng Công ước Luật biển làm cơ sở xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo và vùng nước phụ cận. Ông lập luận đường chữ U không phải là đường vùng nước lịch sử mà là đường vùng nước lịch sử đặc biệt nghĩa là Trung Quốc có một số quyền lịch sử xác định trong đường đó như một số ưu tiên về hàng hải, đánh cá và khai thác tài nguyên. Vùng chồng lấn giữa đường vùng nước lịch sử đặc biệt này của Trung Quốc với vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của các nước khác sẽ tạo ra các vùng tranh chấp khác nhau.³⁰

Cần thấy rằng các tác giả trên quá tự tin khi khẳng định rằng đường chữ U đã được cộng đồng quốc tế công nhận và các quốc gia liên quan không có sự phản đối. Thứ nhất, thời điểm công bố với thế giới là 1946, 1947 hay chính thức lần đầu tiên là ngày 7/5/2009. Thứ hai, nguồn gốc đường này chỉ là một dạng xuất bản tư nhân. Thứ ba, một đường lúc thì 11 đoạn, lúc thì 9 đoạn, vẽ tùy tiện, không tọa độ, không rõ ràng sao có khả năng thể hiện một đường yêu sách biên giới rõ ràng theo đúng các quy định của luật quốc tế để các quốc gia khác phải bận tâm. Thứ tư, vào thời điểm đường lưỡi bò đang được Bộ Nội vụ Trung Hoa in trên bản đồ, năm 1946 Pháp đã đưa tàu và quân ra đóng giữ đảo Hoàng Sa, Trường Sa, tiếp tục duy

³⁰ Ji Guoxing, "Outer Continental Shelf Claims in the South China Sea: A New Challenge to the China's U shaped line", International Workshop on "Non-Traditional Security Cooperation in the South China Sea, Haikou, 20-22 May 2010.

trì danh nghĩa chủ quyền kế thừa từ Nhà nước phong kiến An Nam và hoạt động chiếm hữu theo luật quốc tế của Pháp năm 1933. Hoạt động thực tiễn này là sự phản đối hùng hồn ý định yêu sách hai quần đảo bằng cách vẽ đường chữ U từ phía nước láng giềng phương Bắc. Thứ năm, Hiệp ước hòa bình San Francisco 1951 không đã động chút gì tới đường chữ U. Ngay cả Tuyên bố của Thủ tướng Chu Ân Lai năm 1951 về Dự thảo Hiệp ước San Francisco cũng không nhắc gì đến đường chữ U. Vì vậy không thể nói đã có sự công nhận quốc tế. Thứ sáu, thực tế tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như đòi hỏi của Philippines, Malaysia đối với hầu như toàn bộ hoặc một bộ phận của quần đảo Trường Sa cho thấy không thể nói đường chữ U trên Biển Đông mà Trung Quốc vạch ra đã được các nước khác công nhận. Thứ bảy, ngay cả những nước không liên quan gì đến tranh chấp cũng thể hiện quan điểm không đồng tình. Mỹ không công nhận bất kỳ vùng biển nào không gắn với đất liền và đảo.³¹ Indonexia cho lưu chuyển tại Liên hợp quốc ngày 8/7/2010 Công hàm không chấp nhận đường lưỡi bò của Trung Quốc.³²

Lập luận đường chữ U là đường vùng nước lịch sử đã không thể thuyết phục được cộng đồng quốc tế. Thứ nhất, trong Tài liệu chuẩn bị cho Hội nghị của Liên hợp quốc về luật biển năm 1958 trong danh sách các vùng nước lịch sử của thế giới không có tên vùng nước lịch sử hình chữ U ở Biển Đông. Thứ hai, Công ước luật biển năm 1982 không đề cập đến vùng nước lịch sử. Điều 15 của Công ước chỉ quy định trường hợp phân chia lãnh hải rộng 12 hải lý theo đường cách đều hoặc trung tuyến trừ khi có danh nghĩa lịch sử hoặc hoàn cảnh đặc biệt. Không có

³¹Ngoại trưởng Mỹ Hilary Clinton tại Hội nghị ARF 17, Hà Nội tháng 7/2010: “Phù hợp với luật tập quán quốc tế, yêu sách hợp pháp vùng biển trong Biển Đông cần phải được bắt nguồn chỉ từ các yêu sách hợp pháp với đất liền và đảo”.

³² Permanent Mission of the Republic of Indonesia to the United Nations, Note N. 480/POL-703/VII/10, New York 8 July 2010 with reference to the circulate Note CML/17/2009 of 7 May 2009 addressed to the General Secretary of United Nations by the Permanent Mission of the People’s Republic of China to the United Nations http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/...files/.../idn_2010re_mys_vnn_e.pdf, date of access 13 May 2010

bất kỳ một quy định nào viện dẫn danh nghĩa lịch sử cho vùng biển rộng hơn 12 hải lý chứ đừng nói cách bờ vài trăm hải lý như đường chữ U. Thứ ba, khái niệm vùng nước lịch sử hay vùng nước lịch sử đặc biệt mâu thuẫn với các tuyên bố và luật chính thức của Trung Quốc về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Thứ tư, đường chữ U là đường vẽ tùy ý, không xuất phát từ đất liền và đảo nên không thể mang lại cho quốc gia yêu sách một vùng biển phù hợp với quy định của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 cũng như chủ quyền trên các đảo, đá, bãi cạn trong phạm vi đường đó. Thứ năm, đường chữ U không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến các nước có tranh chấp chủ quyền mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi tự do và an ninh hàng hải, hàng không của các nước ngoài khu vực cũng như của cộng đồng thế giới.³³

Có thể hiểu đường chữ U được duy trì nhằm giành cho Trung Quốc một không gian để triển khai chiến lược trở thành siêu cường thế giới. Tuy nhiên một siêu cường có nghĩa vụ quan tâm đến lợi ích của các nước nhỏ. Việc duy trì một con đường không khoa học, không khách quan, không phù hợp luật pháp quốc tế ảnh hưởng đến hình ảnh của một đất nước Trung Quốc trỗi dậy hòa bình, đồng tác giả của năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và là trở ngại chính cho mọi giải pháp giải quyết tranh chấp trong Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

c. Quy chế đảo

Các nhà nghiên cứu quốc tế chưa đưa ra con số thống nhất các đảo, đá, bãi cạn nửa nổi nửa chìm ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông (từ 200 hoặc hơn). Điều thống nhất là hầu hết chúng đều không thích hợp cho con người đến ở. Quân đồn trú thường xuyên trên các đảo chỉ có từ sau Chiến tranh thế

³³ Về đường lưỡi bò xin tham khảo Nguyễn Hồng Thao, “Yêu sách đường đứt khúc 8 đoạn của Trung Quốc dưới góc độ luật pháp quốc tế”, <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/717-nguyn-hng-thao-yeu-sach-ng-t-khuc-9-on-ca-trung-quc-di-goc-quc-t>

giới thứ hai. Điều 121 (3) Công ước Luật biển 1982 không đưa ra một định nghĩa rõ ràng về đá dẫn tới những giải thích khác nhau về quy chế đảo đá. Kích thước, chu vi, chiều cao như thế nào để được coi là đảo hay đá? Thế nào là đá thích hợp cho con người đến ở? Các đá không có người ở nhưng với ý nguyện của nhân dân và chính phủ xây dựng các công trình nhân tạo và cung cấp đủ nước và thực phẩm thì chúng có được coi là đáp ứng các yêu cầu của điều 121 (3) không? Thế nào là đời sống kinh tế riêng của đá? Các đèn biển, đường băng, trạm khí tượng thủy văn, sân chim hay công viên biển, các trạm dầu khí, các công trình kinh tế xây dựng trên các đá có tạo thành đời sống kinh tế riêng của đá không? Quy chế đảo đá có được tính như quy chế đất liền tức có đủ các vùng lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa không? Hiệu lực của các đảo đá trong phân định vùng biển với lãnh thổ đất liền thế nào? Michael Richardson và Pan Shiyong cho rằng trong quần đảo Trường Sa chỉ có đảo Ba Bình (tiếng Anh: Itu Aba, tiếng Trung: Taiping Dao) là thỏa mãn điều kiện của điều 121 (3) và có quyền có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng.³⁴ Yann Huei Song cho rằng số lượng các đảo đá có thể có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là 5 trên cơ sở hoạt động củng cố cải tạo và quản lý của các bên. Đó là đảo đá Phú Lâm (tiếng Anh: Woody Island, tiếng Trung: Yongxing Dao), Thị tứ (tiếng Anh: Thitu Island, tiếng Trung: Zhongye Dao, tiếng Phi: Pagasa), Ba Bình (tiếng Anh: Itu Aba, tiếng Trung: Taiping Dao), Trường Sa (tiếng Anh: Spratly, Nanwei), Hoa Lau (tiếng Anh: Swallow Reef, tiếng Trung: Dan Wan Jiao, tiếng Malaysia: Layang Layang. Mặc dù các đảo này có diện tích nhỏ hơn 1 km² nhưng chúng đều có đường bay, quân đội, một số đảo có dân

³⁴ Michael Richardson, *Energy and Geopolitics in the South China Sea: Implication for ASEAN and the Dialogue Partners*, April 2009, Discussion Forum, Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS), Singapore, <http://www.iseas.edu.sg/aseanstudiescentre/ascd2.htm>.

Pan Shiyong, "The Petropolitics of the Nansha Islands – China's Indisputable legal Case", *Economic Information & Agency*, July 1996, p. 162.

thường, có công trình phục vụ du lịch.³⁵ R. W. Smith nhận xét rất nhiều các chuyên gia quốc tế về luật biển cho rằng phần lớn, nếu không phải là tất cả các đảo trong Biển Đông, đều nên coi là đá theo điều 121 (3) và như vậy chúng không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng.³⁶

Lập trường của các quốc gia trong khu vực về quy chế đảo được thể hiện rõ hơn vào thời điểm ngày 13/5/2009. Hồ sơ ranh giới ngoài thềm lục địa của Việt Nam và Malaysia trình Ủy ban ranh giới thềm lục địa của Liên hợp quốc (CLCS) thể hiện thềm lục địa kéo dài từ lãnh thổ đất liền hai nước mà không tính đến các đảo trong quần đảo Trường Sa. Brunei Darussalam trong Thông báo ban đầu cho CLCS thể hiện ý định sẽ xem xét thềm lục địa mở rộng như sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền qua khu vực Dangerous Grounds (Spratlys Islands) tới rìa ngoài đáy biển Đông. Luật đường cơ sở quần đảo (Filipino Republic Act 9522) ngày 10/3/2009 của Philippin đã quyết định không gộp Kalayaan Islands Group (KIG) và Scarborough Shoal (Hoàng Nham) vào quần đảo Philippin để có được vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa tính từ đường cơ sở quần đảo theo Công ước luật

³⁵ Yaan Huei Song, “Việc áp dụng điều 121 khoản 3 Công ước Luật biển đối với 5 đảo tranh chấp ở Biển Đông”, *Biển Đông – Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế do Học viện Ngoại giao và Hội Luật gia Việt nam tổ chức tại Hà Nội ngày 26-27/11/2009, Nhà xuất bản Thế giới 2010, tr. 65-90.

³⁶ R. W. Smith, “Maritime Delimitation in the South China Sea: Potentiality and Challenges”, *Ocean Development and International Law*, 41:214–236, 2010, p. 227.

See also Van Dyke and Bennett propose a 12-mile territorial sea for rocks in the Spratlys islands (J. M. Van Dyke and D.L. Bennett, "Islands and the Delimitation of Ocean Space in the South China Sea", *Ocean Yearbooks*, Vol. 10, Edited by Elisabeth Mann Borgese, Norton Ginsburg, and Joseph R. Morgan (Chicago: The University of Chicago Press, 1993), p. 54); John M. Van Dyke and Robert A. Brooks, "Uninhabited Islands: Their Impact on the Ownership of the Ocean's Resources", *Ocean Development and International Law*, Vol. 12, Issues 3-4 (1983), p. 265; L. Charney, "Note and Comment: Rocks That Cannot Sustain Human Habitation", *American Journal of International Law*, N^o93, 1999, p. 872; Barbara Kwiatkowska and Alfred H.A. Soons, "Entitlement to Maritime Areas of Rocks Which Cannot Sustain Human Habitation or Economic Life of Their Owns", *Netherlands Yearbooks of International Law*, N^o21, 1999, p. 167-168; Robert Beckman and Clive Schofield. "Moving Beyond Disputes Over Islands Sovereignty: ICJ Decision Sets Stage For Maritime Boundary delimitation in the Singapore Strait", *Ocean Development and International Law*, N^o40, 2009, p. 10; Barry Hart Dubner, "The Spratly Rocks Dispute – A Rockapelago' Defies Norms of International Law", *Temple International and Comparative Law Journal*, Autumn 1995, p. 304-305; Alex G. Oude Elferink, "The Islands in the South China Sea: How Does Their Presence Limit the Extent of the High Seas and the Area and the Maritime Zones of the Mainland Coasts?", *Ocean Development and International Law*, N^o32, 2001, p. 174.

biển 1982. Các đảo này được quy định sẽ theo “quy chế đảo”. Indonesia với đề xuất bánh donut từ những năm 1990s thể hiện các nước xung quanh Biển Đông đều có quyền có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa 200 hải lý tính từ đường cơ sở đất liền, các đảo đá không có quyền mở rộng các vùng biển trên. Mặc dù các quy định này còn chưa rõ ràng, có thể thấy xu hướng các nước muốn hạn chế cho các đảo đá trong Biển Đông có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng.

Trung Quốc duy trì “tiêu chuẩn kép” về quy chế đảo. Ngày 6/2/2009, Phái đoàn thường trực của Trung Quốc tại Liên hợp quốc³⁷ phản đối hồ sơ ranh giới ngoài thềm lục địa của Nhật Bản gửi CLCS ngày 12/11/2008 lấy đảo Oki-no-Tori Shima làm điểm cơ sở mở rộng thềm lục địa ở ba khu vực ngoài 200 hải lý (SKB, MIB và KPR) tại biển Hoa Đông. Tại cuộc họp lần thứ 19 các nước thành viên Công ước luật biển (SPLOS) 22-26/6/2010 đoàn đại biểu Trung Quốc khẳng định lại lập trường, theo điều 121 (3) Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982, các đá không thích hợp cho con người đến ở hoặc không có đời sống kinh tế riêng sẽ không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Thế nhưng tại Biển Đông, Trung Quốc lại có lập trường trái ngược³⁸ khi yêu sách các vùng biển phụ cận của quần đảo Trường Sa mở rộng vào cả các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa

³⁷ Permanent Mission of the People’s Republic of China to the United Nation, New York, Note CML2/2009, Feb 2, 2009 With reference to the Japan’s Submission dated of 12 November 2008 to the Commission on Limits of the Continental Shelf concerning the outer limit of continental shelf beyond 200 nautical miles http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/jpn08/chn_6feb09_e.pdf

date of access 13 May 2009

³⁸ Permanent Mission of the People’s Republic of China to the United Nation, New York, Note CML17/2009, May 7, 2009 With reference to the Joint Submission by Malaysia and the Socialist Republic of Vietnam and dated of 6 May 2009 to the Commission on Limits of the Continental Shelf concerning the outer limit of continental shelf beyond 200 nautical miles http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf date of access 13 May 2009 and

Permanent Mission of the People’s Republic of China to the United Nation, New York, Note CML18/2009, May 7, 2009 With reference to the Submission by the Socialist Republic of Vietnam dated of 7 May 2009 to the Commission on Limits of the Continental Shelf concerning the outer limit of continental shelf beyond 200 nautical miles http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/chn_2009re_vnm.htm date of access 13 May 2009

tính từ bờ biển đất liền của các quốc gia khác xung quanh Biển Đông. Quy chế đảo ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề phân định biển giữa các đảo và các lãnh thổ đất liền xung quanh. Do sự đan xen chiếm đóng, nếu các đảo đá chỉ có 12 hải lý thì đã có hàng trăm trường hợp phải phân định giữa chúng với nhau. Tình hình càng phức tạp khi cho chúng có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng. Các đảo đá này ở rải rác trên một vùng biển khá rộng lớn, Hoàng Sa là 16.000 km² và Trường Sa là 160-180.000 km². Đường cơ sở cho quốc gia quần đảo theo quy định điều 47 của Công ước Luật biển 1982 không được áp dụng cho chúng mặc dù trên thực tế Trung Quốc đã áp dụng cho quần đảo Hoàng Sa bằng tuyên bố ngày 15/6/1996. Thực tiễn quốc tế và các phán quyết của các Tòa án và Trọng tài quốc tế cho thấy về quy mô, kích thước, điều kiện sinh sống hay đời sống kinh tế riêng chúng cũng không thể được coi có cùng hiệu lực pháp lý trong phân định với lãnh thổ đất liền.

Luật pháp là một sự vận động không ngừng. Điều 121 (3) với những khiếm khuyết của nó cần phải được sửa đổi và phải tính đến đặc thù của khu vực. Vùng biển các đảo được hưởng không nên được mở rộng quá mức, ảnh hưởng đến quyền lợi của các quốc gia ven biển, ảnh hưởng an ninh hàng hải, hàng không của cộng đồng quốc tế, tiếp tục duy trì nguy cơ xung đột ở mức cao. Các nước trong khu vực Biển Đông có thể cân nhắc việc thành lập một cơ chế đàm phán hoặc cơ quan khu vực đặc biệt để thảo luận về quy chế đảo trong Biển Đông. Từ tình hình và phân tích trên có thể có một số lựa chọn sau:

-Các đảo có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng và có hiệu lực pháp lý trong phân định như lãnh thổ đất liền. Khả năng này sẽ không được phần lớn các nước ủng hộ vì đánh đồng tất cả các đảo đá với lãnh thổ đất liền gây ra sự không công bằng trong phân định. Nó cũng tạo ra sự lo ngại của cộng đồng quốc tế về an ninh hàng hải, hàng không qua khu vực không được bảo đảm.

-Xác định giới hạn 200 hải lý từ lãnh thổ đất liền lục địa hay từ các đảo

chính của quốc gia quần đảo và cho các đảo đá chỉ có lãnh hải 12 hải lý. Khả năng này có thể được phần lớn các nước tranh chấp và cộng đồng quốc tế hoan nghênh. Tuy nhiên sẽ có những ý kiến không đồng thuận về một số đảo đã từng bước được dân sự hóa trên hai quần đảo.

-Xem xét 5 đảo Phú Lâm, Ba Bình, Trường Sa, Thị Tứ, Hoa Lau có khả năng có thêm lục địa và đặc quyền kinh tế hạn chế, các đảo đá khác chỉ có lãnh hải 12 hải lý.

- Khoanh từng cụm đảo đá bãi cạn trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thành từng đơn vị độc lập trên cơ sở chúng được gắn kết về mặt lịch sử, văn hóa, kinh tế xã hội như một quần đảo đá – Rockpelago và thỏa thuận cho mỗi đơn vị độc lập này một lãnh hải 12 hải lý, một thêm lục địa và đặc quyền kinh tế hạn chế mang tính tượng trưng 1-5 hải lý như công thức với các đảo trong vịnh eo biển Manche giữa Pháp và Anh năm 1977. Mức độ bao gộp hoặc chia nhỏ phụ thuộc vào tính gắn kết của chúng. Trên thực tế Malaysia, Philippin đã đưa ra phạm vi khoanh vùng ở Trường Sa nhưng nhằm mục đích yêu sách chủ quyền các đảo đá trong phạm vi đó hơn là thể hiện cho chúng một vùng biển. Indonesia đã gợi ý về giải pháp bánh donut. Thỏa thuận ba bên Phi-Trung-Việt 2005 cũng đã giới hạn khu vực tranh chấp ở Trường Sa. Giải pháp hạn chế vùng biển cho các đảo đá cho phép các quốc gia ven biển thực hiện quyền mở rộng biển của mình phù hợp Công ước luật biển 1982, hạn chế mở rộng tranh chấp biển, tạo điều kiện giải quyết tranh chấp chủ quyền cũng như áp dụng các sáng kiến cùng khai thác. Nó cũng tạo khả năng sẽ có một vùng đáy biển di sản chung của loài người, đáp ứng yêu cầu của tất cả các bên và cộng đồng quốc tế.

d. Chủ nghĩa dân tộc

Tranh chấp biển đảo ở châu Á đã kéo dài trong tâm trí nhiều thế hệ, trải qua nhiều biến cố lịch sử, được nhiều người trong và ngoài khu vực quan tâm, được củng cố thêm bằng xu hướng dân chủ, hội nhập quốc tế nên chủ nghĩa dân tộc rất dễ bị kích động. Thỏa thuận song phương giữa PNOOC (Công ty dầu khí quốc gia Philippin) và CNOOC (Công ty dầu khí ngoài khơi Trung Quốc) ngày 1/9/2004 và sau đó là Thỏa thuận ba bên PNOOC, CNOOC và PETROVIETNAM ngày 14/3/2005 về khảo sát địa chấn khu vực xác định trên quần đảo Trường Sa là tâm điểm phản đối của lực lượng chính trị đối lập tại Philippines. Tổng thống Arroyo bị cáo buộc cho phép ký kết các hiệp định để đổi lấy việc Trung Quốc tài trợ cho một số dự án của Philippines.³⁹ Biểu tình ôn hòa ngày 9/12/2007 tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh hay các bài báo trên mạng đe dọa đánh chiếm Việt Nam trong vòng 31 ngày luôn gây những vấn đề khó xử trong quan hệ.⁴⁰ Việc Trung Quốc hàng năm đơn phương cấm đánh bắt cá từ 15/5 đến 31/8 và đưa tàu ngư chính xuống Trường Sa làm cho vấn đề nghề cá thêm nóng bỏng. Riêng năm 2009, đã có 33 tàu cá và 433 ngư dân Việt Nam bị các lực lượng Trung Quốc bắt giữ⁴¹ Vụ 9 ngư dân Quảng Ngãi bị Trung Quốc bắt giữ trong tháng 9/2010 lại là dịp để báo chí so sánh phê phán tiêu chuẩn kép áp dụng khác nhau cho ngư dân Trung Quốc bị tàu tuần tra Nhật Bản bắt trong vùng biển Senkaku và cho ngư dân Việt Nam bị bắt giữ tại vùng biển Hoàng Sa.⁴² Tình cảm dân tộc rất dễ bị thổi bùng sau những đụng độ nghề cá, liên quan đến ngư dân các nước. Căng thẳng trong vụ thuyền trưởng tàu cá Trung Quốc đâm tàu kiểm soát Nhật Bản tại vùng biển Senkaku đã được quan chức hai bên tìm cách tháo gỡ sau cuộc gặp ngoài lề ADMM+ tại Hà

³⁹ Ma. Paola J. Syyap, "PNOOC submits disputed oil exploration to Hose, Website GMA News and Public Affairs

⁴⁰ BBC, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2008/09/080905_viet_protest_china.shtml)

⁴¹ Carlyle A Thayer, Southeast Asia, Patterns of security cooperation, ASPI Australia 2010, p. 33.

⁴² BBC, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2010/09/100922_china_double_standard.shtml, date of access 25/9/2010.

Nội tháng 10/2010. Tuy nhiên tình cảm chống đối lại bùng lên với hàng loạt cuộc biểu tình của dân chúng ở Nhật Bản và Trung Quốc ngày 16-17/10/2010⁴³. Cũng cần nhắc lại rằng Thỏa thuận 6/2008 về thăm dò khai thác chung Nhật Bản – Trung Quốc đã gặp phải sự chỉ trích mạnh mẽ của cư dân mạng ở Trung Quốc và báo chí Hồng Kông ngay lập tức sau khi công bố. Để tìm cách xoa dịu sự phản đối của công luận, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc đã phải lên tiếng trấn an là các công ty Nhật Bản và Trung Quốc thực hiện tại khu mỏ này là sự phát triển thông qua hợp tác, phù hợp với luật pháp Trung Quốc.⁴⁴

Các quốc gia đang ngày càng trở nên thực dụng hơn trong tìm kiếm các giải pháp hợp tác cùng phát triển, duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực. Song thách thức đối với họ không hề nhỏ khi phải thuyết phục người dân ủng hộ các sáng kiến đưa ra trong khi sức mạnh tuyên truyền về chủ quyền biển đảo đôi khi đã đi quá giới hạn. Vấn đề bảo đảm an toàn cho người dân đánh bắt cá trong các vùng biển tranh chấp đang nóng dần nếu các bên không có một sự hợp tác thiện chí.

Trong bốn trở ngại trên, chủ quyền là trở ngại khó khăn nhất, là điều kiện tiên quyết để giải quyết triệt để tranh chấp. Song các bên hoàn toàn có thể hợp tác kiểm chế các xung đột biển, hạn chế phạm vi tranh chấp chủ quyền, giải quyết tranh chấp trên cơ sở Công ước luật biển 1982, tìm kiếm các cơ hội hợp tác vì hòa bình, ổn định và phát triển của mỗi nước cũng như của khu vực.

3. Hai cách tiếp cận

⁴³ “Biểu tình ở Nhật Bản và Trung Quốc về quần đảo tranh chấp”, VNExpress, <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2010/10/3ba21baa/>, date of access 24 October 2010.

“Thousands protest in China, Japan over island row”, The China Post, <http://www.chinapost.com.tw/asia/japan/2010/10/17/276408/Thousands-protest.htm>, date of access 24 October 2010.

⁴⁴“CNOOC to share investment, risk on development of East China Sea” (Xinhua (Updated 2008-06-27). From the website of *China Daily* (http://www.chinadaily.com.cn/bizchina/2008-06/27/content_6801444.htm) (accessed on 3 November 2008); and, “China’s rights over Chunxiao not negotiable” (China Daily) (Updated 2008-06-25]. From the website of *China Daily* (http://chinadaily.com.cn/bizchina/2008-06/25/content_6794064.htm) (accessed on 3 November 2008).

Sự chuyển biến mạnh mẽ của tình hình đòi hỏi phải có cách tiếp cận hợp lý nhằm quản lý tranh chấp và tiến tới giải pháp cơ bản lâu dài. Hội nghị ARF 17 và ADMM+ lần thứ nhất tại Hà Nội trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN là những diễn đàn quan trọng để các bên thể hiện quan điểm và cách tiếp cận của mình. Hầu hết các nhà bình luận quốc tế đều cho rằng tình hình Biển Đông đang nóng lên và Đông Nam Á không thể tách biệt khỏi cuộc chạy đua chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc.⁴⁵ Chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á là tìm kiếm một trật tự quốc tế công bằng và phù hợp⁴⁶ Chính sách này thể hiện trên năm điểm: 1) Mỹ không đứng về bên nào trong tranh chấp chủ quyền trên biển Đông; 2) Mỹ phản đối bất kỳ sự sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực của bất kỳ bên nào”; 3) Các bên tham gia tranh chấp theo đuổi các tuyên bố chủ quyền và các quyền kèm theo đối với vùng biển phải phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển; 4) Mỹ cũng như các quốc gia khác có lợi ích quốc gia trong việc đảm bảo tự do thông thương hàng hải, quyền tự do tiếp cận các vùng biển chung của châu Á và sự tôn trọng luật pháp quốc tế ở Biển Đông; 5) Mỹ sẵn sàng hỗ trợ các sáng kiến và biện pháp xây dựng lòng tin phù hợp với DOC.⁴⁷ Các nước ASEAN lo ngại về tình hình căng thẳng ở Biển Đông, mong muốn giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, các bên cần tôn trọng Tuyên bố ASEAN – Trung Quốc, tiến tới xây dựng một Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông mang tính ràng buộc hơn. Tổng thống Indonesia đưa ra đề nghị ba điểm về giải quyết tranh chấp ở Biển Đông: 1) Không để bất kỳ nước nào khống chế khu vực này và áp đặt ý định của mình; 2) Tạo ra sự cân bằng năng động, duy trì hòa bình, an ninh và trật tự; 3) Các

⁴⁵ Carlyle A Thayer, Southeast Asia, Patterns of security cooperation, ASPI Australia 2010, p. 55.

⁴⁶ “to create a ‘just and sustainable international order’, Office of the President of the United States, *National Security Strategy*, May, 2010:12).

⁴⁷ Hillary Rodham Clinton, Secretary of State at the National Convention Center

ARF 17, Hanoi, Vietnam, July 23, 2010 <http://www.state.gov/secretary/rm/2010/07/145095.htm>

tranh chấp lãnh thổ cần được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình. Lập trường của Trung Quốc thể hiện trong năm điểm: 1) tình hình Biển Đông là hòa bình, ổn định và vẫn trong tầm kiểm soát; giải quyết các tranh chấp bằng hiệp thương hữu nghị song phương trên cơ sở lịch sử và luật biển, 3) không quốc tế hóa, không đa phương hóa, ASEAN hóa; 4) không để bên ngoài can thiệp vào vấn đề Biển Đông; 5) Là nước lớn Trung Quốc có các lợi ích hợp pháp của mình.⁴⁸ Tuyên bố ASEAN – Trung Quốc về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông được coi là văn kiện song phương Trung Quốc ký với từng nước ASEAN chứ không phải với cả khối. Hai cách tiếp cận có khá nhiều khác biệt nhưng cũng thể hiện những điểm chung: 1) các tranh chấp phải được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình; 2) các tranh chấp chủ quyền phải do các nước hữu quan giải quyết; 3) DOC là văn bản quan trọng mà Trung Quốc và các nước ASEAN đưa ra và các nước hữu quan cần tuân thủ trong khi phân đấu để có một văn kiện pháp lý mang tính ràng buộc cao hơn; 4) các tranh chấp không được làm ảnh hưởng đến tự do và an ninh hàng hải⁴⁹; 5) hợp tác giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống như hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ

⁴⁸ Tại ARF 17 tại Hà Nội, Ngoại trưởng Dương Khiết Trì đã đưa ra 7 điểm giải thích chính sách của Trung Quốc về Biển Đông: 1) Tình hình Biển Đông cơ bản là hòa bình và ổn định; 2) Trung Quốc chỉ có một số tranh chấp về lãnh thổ và quyền trên biển với một số nước ASEAN chứ không phải với cả khối ASEAN; 3) Tranh chấp cần giải quyết một cách hòa bình thông qua hiệp thương hữu nghị vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Biển Đông và quan hệ láng giềng tốt đẹp. Phù hợp với Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông DOC, các bên cần kiềm chế và không làm cho vấn đề trở thành quốc tế hay đa phương; 4) Chức năng của DOC là tạo sự tin cậy lẫn nhau giữa các nước hữu quan và các điều kiện thuận lợi cũng như không khí tốt đẹp để tiến tới một giải pháp cuối cùng cho tranh chấp. Trung Quốc và các nước ASEAN đã đưa ra DOC. Đã có các cuộc tham khảo làm việc chung. Khi điều kiện chín muồi, các cuộc họp cấp cao có thể được tiến hành; 5) Không có việc quyền tự do và an toàn hàng hải ở Biển Đông bị ngăn trở. Thương mại đang phát triển mạnh mẽ trong khu vực và nếu một số nước không xuất khẩu được nhiều vào Trung Quốc đó là họ đã đưa ra nhiều rào cản cho xuất khẩu kỹ thuật cao; 6) Không có sự cưỡng chế nào trên vấn đề Biển Đông. Tất cả các nước lớn hay nhỏ đều bình đẳng. Trung Quốc là nước lớn nên cũng có những mối quan tâm hợp pháp của mình; 7) Nếu Biển Đông trở thành một vấn đề quốc tế hoặc đa phương, sẽ chỉ khiến cho vấn đề này trở nên tồi tệ hơn và giải pháp sẽ khó khăn hơn. Thực tiễn quốc tế cho thấy cách tốt nhất để giải quyết các bất đồng, tranh chấp đó là các bên liên quan đàm phán song phương trực tiếp

<http://www.fmprc.gov.cn/eng/zxxx/t719460.htm>

⁴⁹ Phát biểu của Ông Surin Pitsuwan, TTK/ASEAN, tại phiên bế mạc Hội nghị ADMM+ lần thứ nhất tại Hà Nội ngày 12/10/2010: “Khu vực này mang tính chất vô cùng sách lược, vì thế giao thông đường biển tự do, cởi mở và an toàn là điều quan trọng. Vấn đề này đã được nêu ra và được tất cả các bên đồng ý rằng đó là các mục tiêu mà khu vực nên cố gắng đạt tới và duy trì”. RFI, Hà Nội 12.10/2010.

thiên tai; chống khủng bố; quân y; an ninh biển và gìn giữ hòa bình.⁵⁰ Việc Trung Quốc đồng ý khởi động trở lại công tác của Nhóm chuyên viên về thực hiện DOC trong tháng 10/2010 là một tín hiệu tốt dù dè dặt cho tiến trình xây dựng một niềm tin giữa các nước hữu quan.⁵¹

Một niềm tin

Từ hàng ngàn năm nay Biển Đông bao gồm cả hai vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan là của chung của 9 nước và 1 vùng lãnh thổ trong khu vực: Brunei, Campuchia, Indonexia, Malaysia, Philippin, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam và Đài Loan. Các dân tộc cùng chia sẻ nền văn hóa lúa nước, văn hóa Biển Đông, tự do đánh bắt. Sự phát triển của Luật biển nhằm xây dựng một cơ chế công bằng hơn trong quản lý Biển Đông vì mục đích hòa bình, phát triển bền vững và lợi ích của các nước xung quanh cũng như của cộng đồng quốc tế. Sự trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc là một tín hiệu mừng với cộng đồng quốc tế. Trung Quốc đóng góp 28% tăng trưởng thế giới trong khi Mỹ và EU đóng góp 15%. Thâm hụt ngân sách của Mỹ và EU ngày càng tăng còn của Trung Quốc có xu hướng giảm dần. Trung Quốc đang nắm giữ 2600/4000 tỷ USD tổng tài sản có giá của Mỹ mà các nước nắm giữ. Mỹ đang cần Trung Quốc là bên có trách nhiệm hơn với các vấn đề quốc tế. Chi phí quốc phòng của Trung Quốc là 1,5% GDP tức 70 tỷ USD mỗi năm trong khi Mỹ là 5% GDP tức 700 tỷ gấp 10 lần. Mỹ và Trung Quốc đều phải tính toán để không có những bước đi phiêu lưu. Quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc là quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh và lợi ích chung chính là sức mạnh.⁵²

⁵⁰ ADMM+ lần thứ nhất tại Hà Nội ngày 12/10/2010.

⁵¹ “China, ASEAN states begin talks on 'code of conduct' for disputes”, GMA New.TV, 10/01/2010 | 03:11 AM, <http://www.gmanews.tv/story/202363/china-asean-states-begin-talks-on-code-of-conduct-for-disputes>, date of access 24 October 2010.

⁵² Lee Kuan Yew, minister mentor of Singapore, Battle For Preeminence,

<http://www.forbes.com/forbes/2010/1011/rich-list-10-opinions-lee-kuan-yew-current-events-preeminence.html>

“A stabilizing factor in their relationship, however, is that each nation requires cooperation from and healthy

ASEAN với ba cột trụ Cộng đồng Chính trị, Kinh tế và Văn hóa đang nổi lên như một trung tâm đoàn kết giữa Mỹ, Trung Quốc và các nước liên quan, chủ động có tiếng nói trong mọi giải pháp về vấn đề Biển Đông. Xung đột nổ ra thì các nước đều bất lợi. Các tuyến đường hàng hải bị cắt đứt sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế của các nước nhập khẩu dầu lớn, đồng minh của Mỹ như Nhật Bản và Hàn Quốc, đánh mạnh vào buôn bán thương mại giữa ASEAN với Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Mỹ. Kinh tế Trung Quốc cũng bị ảnh hưởng và nước này mất đi hình ảnh “trỗi dậy hòa bình, lãnh đạo các nước đang phát triển” dày công vun đắp lâu nay, tạo điều kiện cho Mỹ tăng cường hiện diện có lợi.⁵³ Các tranh chấp trên biển ở Biển Đông không những chỉ ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nước có liên quan, mà còn ảnh hưởng đến lợi ích của các nước khác, đến hoà bình, ổn định và sự hợp tác phát triển của khu vực và thế giới. Nhiệm vụ của các nhà lãnh đạo các nước là cần làm lạnh đi những cái đầu nóng, tập trung xây dựng lòng tin đã có phần bị xói mòn. Một khái niệm mới Ngoại giao bình tĩnh đã xuất hiện bên cạnh khái niệm Ngoại giao phòng ngừa. Không nước nào có thể dân tộc hóa hay quốc tế hóa được vấn đề Biển Đông. Mọi giải pháp cho vấn đề Biển Đông đều được các nước trên thế giới quan tâm. Các hoạt động không tính đến lợi ích của nước khác tất sẽ đưa đến sự chú ý của dư luận và các động thái nhằm tìm kiếm sự cân bằng có lợi cho hòa bình và phát triển trong khu vực. Các cường quốc tự vạch vùng ảnh hưởng bất lợi cho các nước láng giềng nhỏ hơn cuối cùng sẽ phản tác

competition with the other: China needs American technology, investments and markets; the U.S. needs Chinese markets and Chinese agreement and/or assistance in dealing with major world problems.

Mutual benefit can be a powerful force”.

⁵³ Lee Kuan Yew, minister mentor of Singapore, Battle For Preeminence,

<http://www.forbes.com/forbes/2010/1011/rich-list-10-opinions-lee-kuan-yew-current-events-preeminence.html>

“China has to carefully consider whether insisting on dealing with the Asean countries separately will make them gravitate closer to the U.S. One of China's long-term goals is to be economically integrated with the Asean countries, as well as with Japan and South Korea. China will defeat its purpose if it pushes the Asean countries closer to the U.S., especially since America's stated position is one of support for the lawful claims of those smaller states”.

dụng. Các nước cần tôn trọng lẫn nhau và chung sống trong hòa bình. Cơ sở cho mọi giải pháp có thể phải bắt đầu từ lòng tin. Các bên cần thống nhất: 1) Giải quyết các tranh chấp cần tuân thủ Luật quốc tế. Các tranh chấp chủ quyền phải được các bên liên quan trực tiếp giải quyết thông qua các biện pháp hòa bình. Các tranh chấp biển phải được giải quyết trên cơ sở tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Các vấn đề song phương giải quyết trên cơ sở song phương, các vấn đề đa phương giải quyết trên cơ sở đa phương. Các cơ chế hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN + có vai trò quan trọng trong hỗ trợ thúc đẩy các nước liên quan tìm kiếm một giải pháp cơ bản lâu dài mà các bên có thể chấp nhận; 2) Thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin và các hoạt động hợp tác có thể được và được các bên quan tâm; 3) Tôn trọng Tuyên bố Trung Quốc – ASEAN về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông và thúc đẩy xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử COC vì lợi ích chung là cơ sở để đi đến một giải pháp có lợi cho tất cả các bên.

-----/-----

PGS.TS. Nguyễn Hồng Thao

Đại học quốc gia Hà Nội, Việt Nam

Bản quyền thuộc NCBD